CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xà phòng Hà Nội

Ngày 31/12/2024	7,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	49.1%	**38.6%**	**19.7%**

DT thuần
Q4/24
10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 6.1%
YoY: ▲ 1.62| 17.9%

LN thuần
Q4/24
-2.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.07| -78.3%
YoY: ▲ 9.67| 80.0%

LN sau thuế
Q4/24
-2.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.33| -117%
YoY: ▲ 9.94| 80.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-18.8%
YoY: +/-▲ 32.2%

ROE
2024
-4.8%
YoY: +/-▲ 6.7%

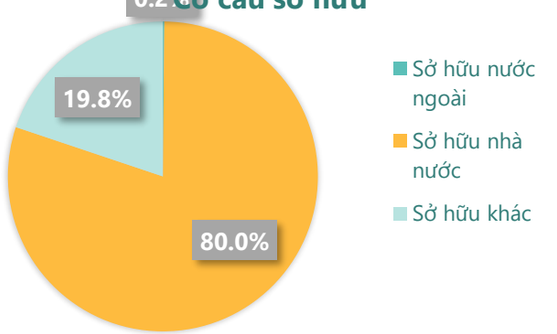
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,200 - 8,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
Số lượng CPLH (CP)	12,972,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,785
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.22
EPS	-556
P/E	-14.2

DT thuần
2024
38.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80| 4.9%

LN thuần
2024
-7.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.7| 59.9%

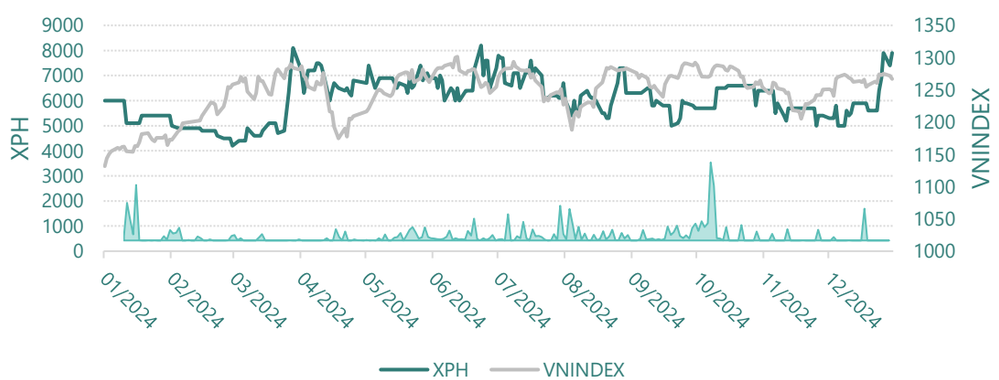
LN sau thuế
2024
-7.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.3| 61.3%

Cơ cấu sở hữu

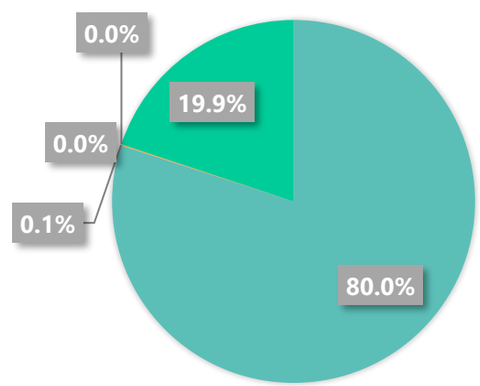


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

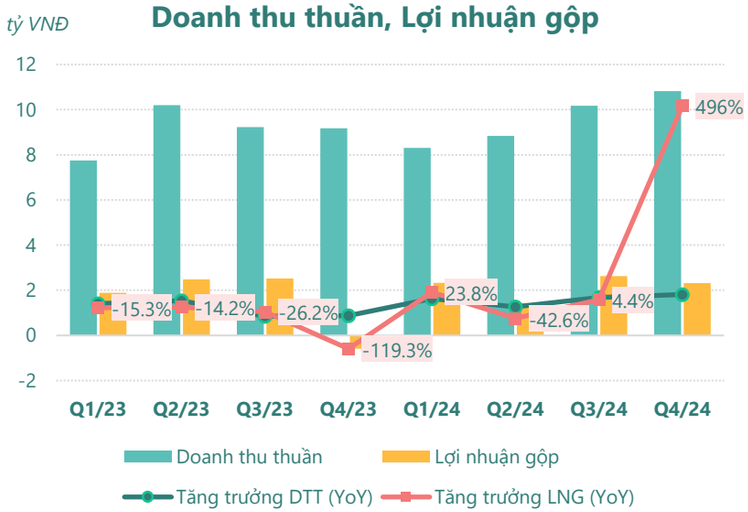




(Nguồn: fireant.vn)

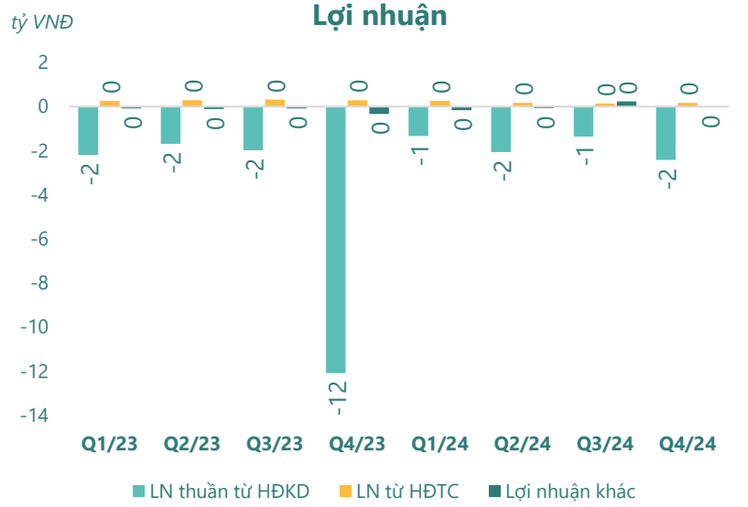
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



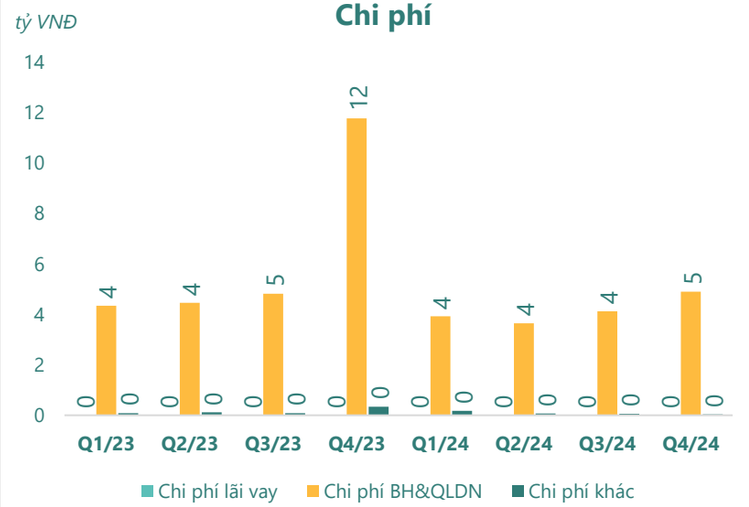
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



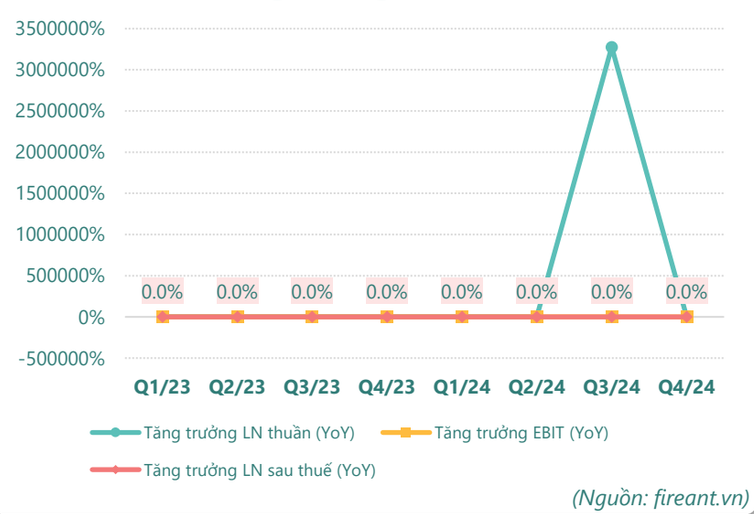
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



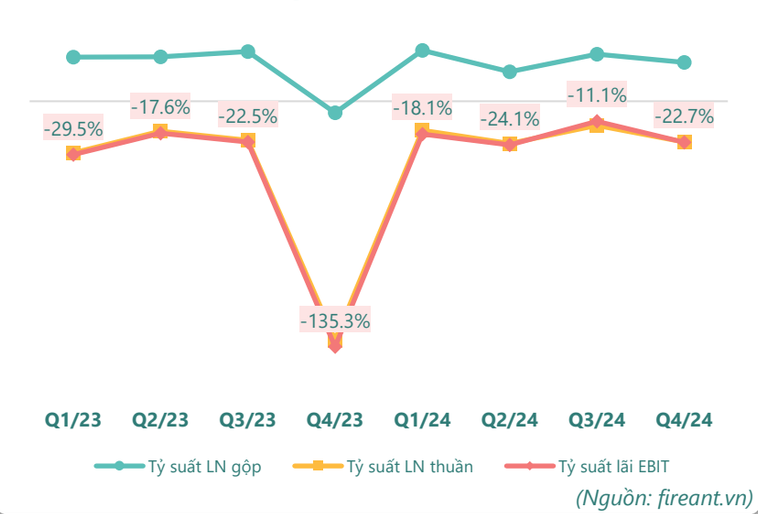
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



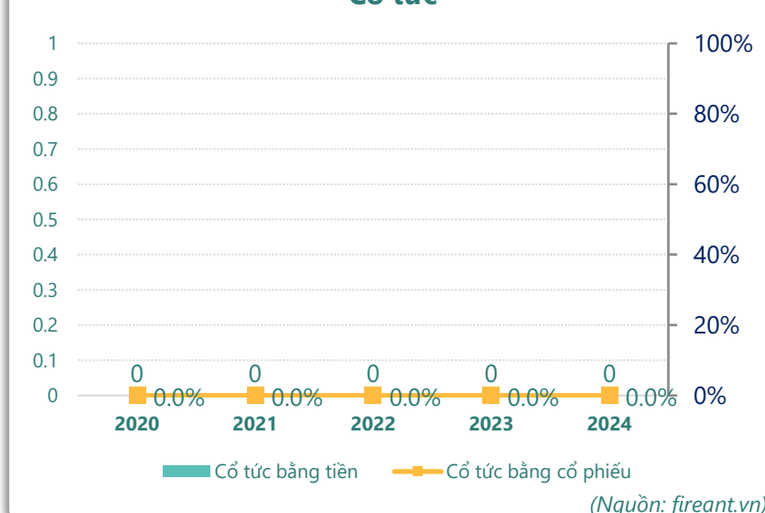
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



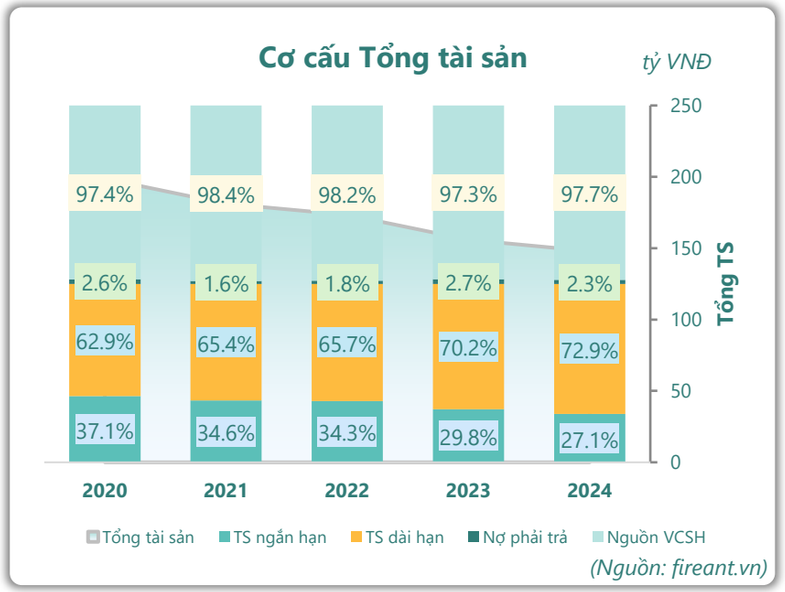
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

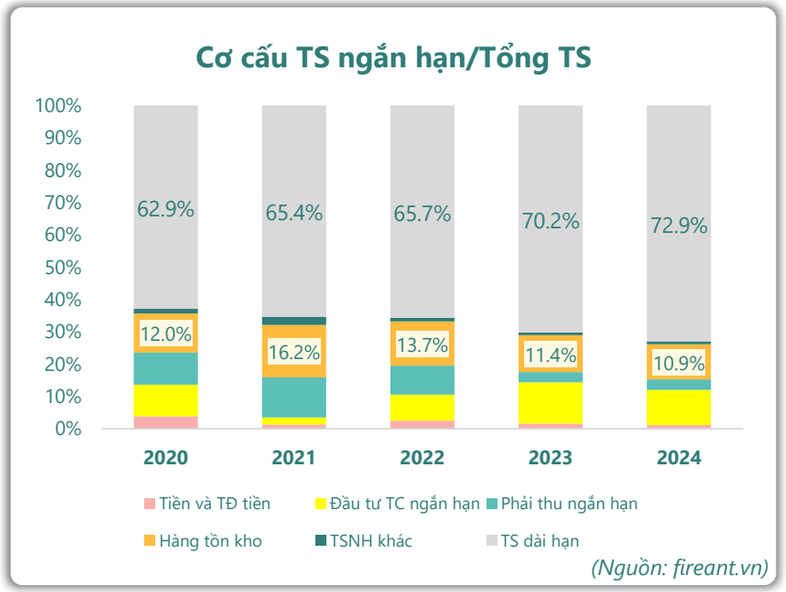


(Nguồn: fireant.vn)

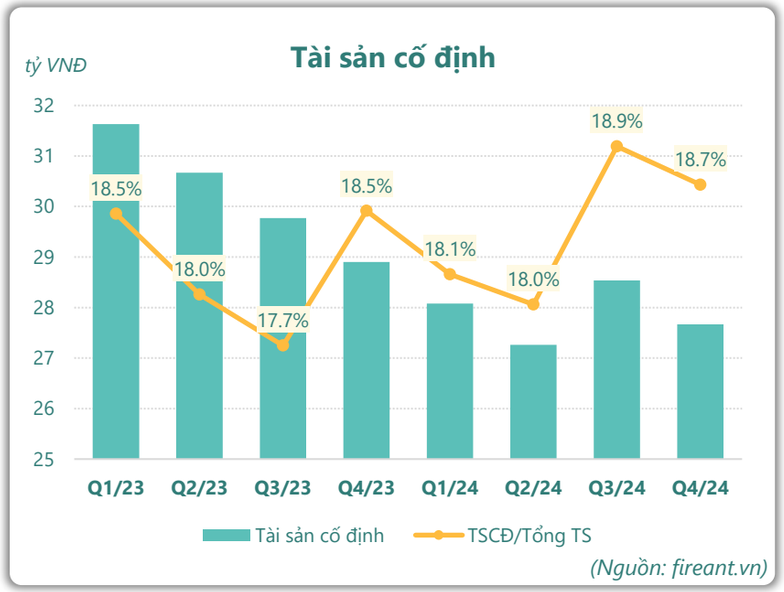
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



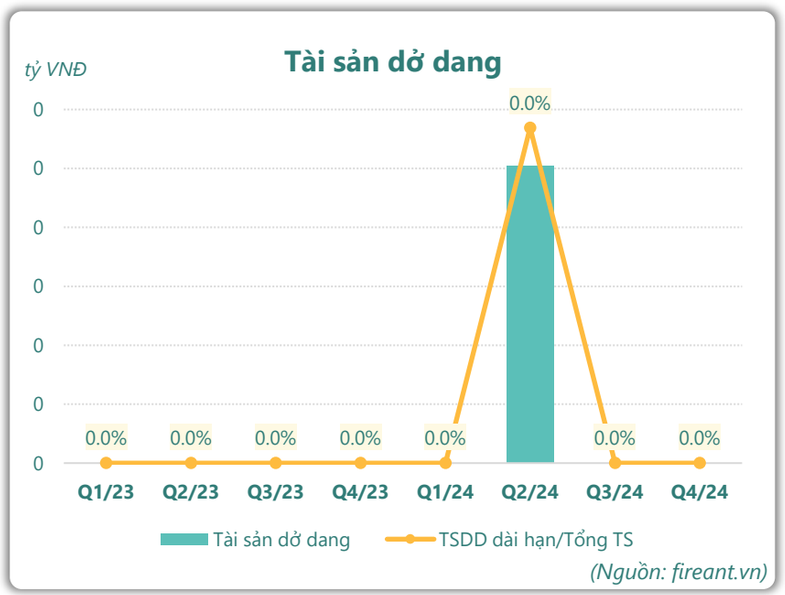
(Nguồn: fireant.vn)



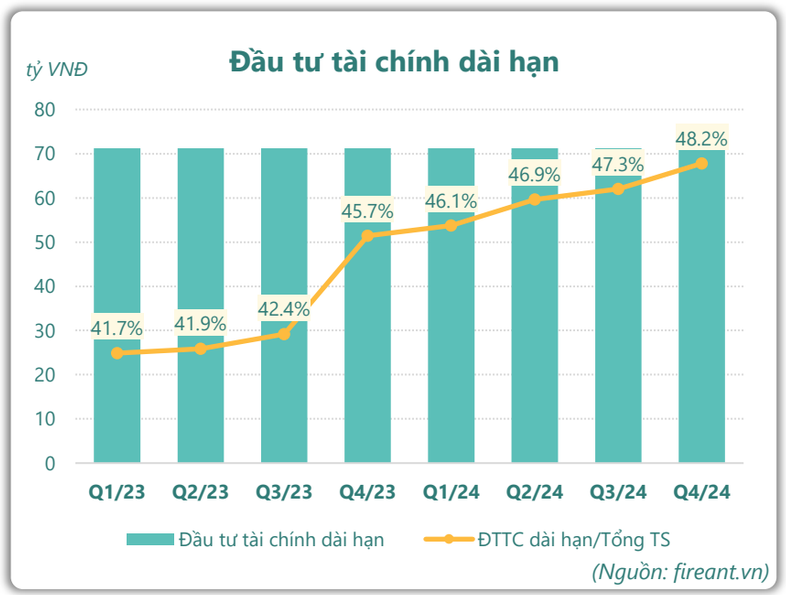
(Nguồn: fireant.vn)



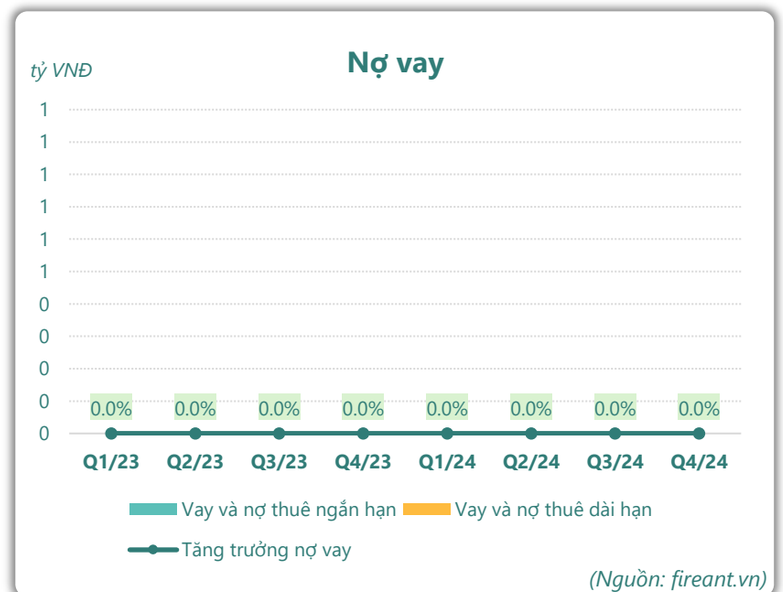
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



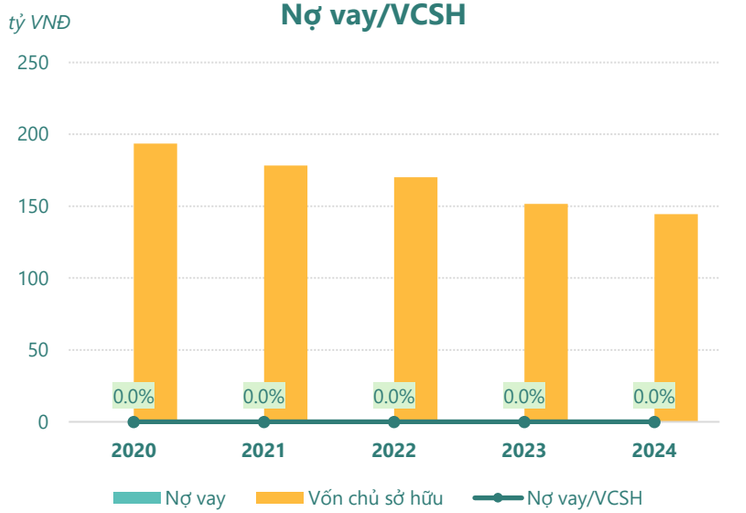
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

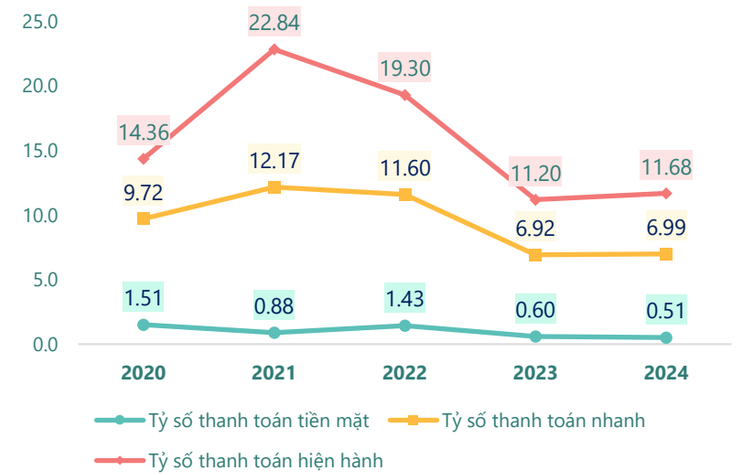
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



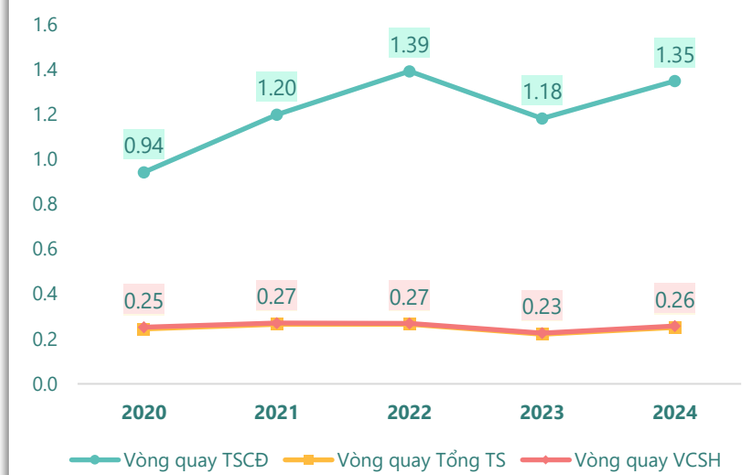
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



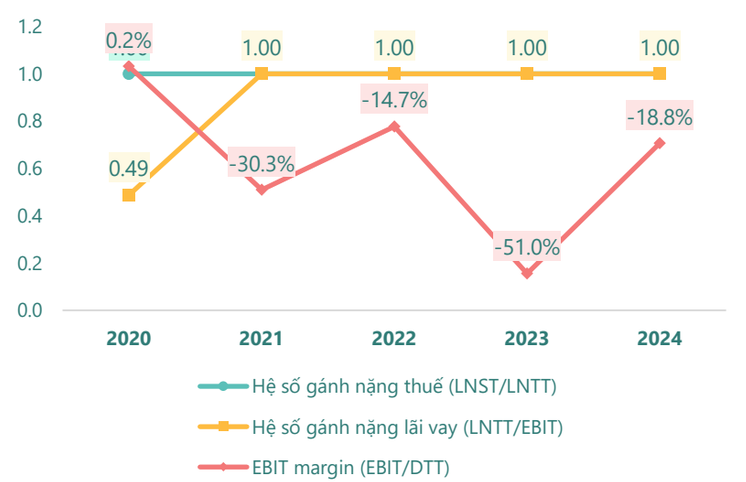
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



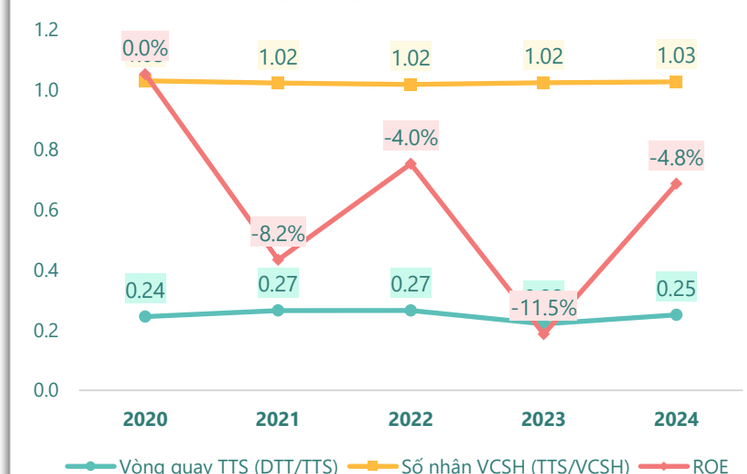
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



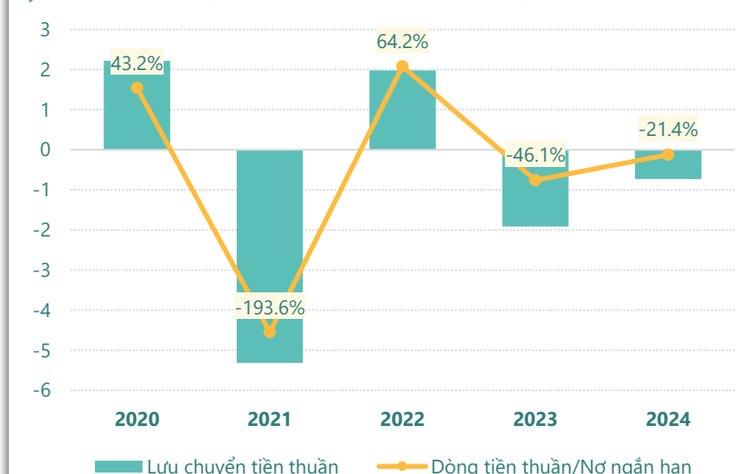
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.8**	**9.18**	**17.9%**	**38.1**	**36.3**	**4.9%**
Giá vốn hàng bán	8.50	9.76	-12.9%	29.4	30.0	-2.0%
Lợi nhuận gộp	2.32	-0.59	493%	8.71	6.31	38.0%
Doanh thu HĐTC	0.17	0.29	-42.9%	0.74	1.16	-36.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.48	1.63	-9.0%	4.57	6.11	-25.3%
Chi phí QLDN	**3.42**	**10.2**	**-66.4%**	**12.1**	**19.2**	**-37.4%**
LN thuần từ HĐKD	-2.43	-12.1	80.0%	-7.17	-17.9	59.9%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.34**	**91.0%**	**0.01**	**-0.62**	**101%**
LN trước thuế	-2.46	-12.4	80.2%	-7.17	-18.5	61.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.46**	**-12.4**	**80.2%**	**-7.17**	**-18.5**	**61.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.46**	**-12.4**	**80.2%**	**-7.17**	**-18.5**	**61.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.88	0.66	-0.21	-1.18	-1.47	-0.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.95	-1.00	-0.26	4.81	-3.52	1.69
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.01	2.84	2.49	2.02	5.64	1.81
Lưu chuyển tiền thuần	**3.83**	**-0.34**	**-0.47**	**3.62**	**-4.99**	**1.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.84	2.49	2.02	5.64	1.81	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**148**	**156**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	39.4	46.5	-15.1%
Tiền và tương đương tiền	1.76	2.49	-29.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.0	20.0	-20.0%
Phải thu ngắn hạn	4.84	4.85	-0.2%
Hàng tồn kho	16.0	17.7	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	1.37	-41.0%
Tài sản dài hạn	**108**	**109**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.7	28.9	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	71.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**9.56**	**9.25**	**3.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.42	4.15	-17.6%
Nợ ngắn hạn	**3.32**	**4.15**	**-20.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.34	1.55	-13.5%
Nợ dài hạn	0.10	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**144**	**152**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**144**	**152**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	130	130	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)